

**LỊCH THI CÁC LỚP TỰ NGUYỆN, LỚP RIÊNG ĐỢT 2 VÀ ĐỢT 3 NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
1	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	60	2	CN01002_2.25_LR.1	18h00-20h00	13/4	Viết	3	B5.103, B5.104
2	XH01001	Xã hội học đại cương	34	2	XH01001_2.25_TN.1	18h00-20h00	22/4	Viết	2	B5.202, B5.203
3	QT02705	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	2	3	QT02705_2.25_TN.1	18h00-20h00	13/4	Viết	1	B5.204
4	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	41	2	TG01004_2.25_LR.1	18h00-20h00	14/4	Viết	2	B5.203, B5.204
5	QT02705	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	2	3	QT02705_2.25_TN.1	20h10-21h00	13/4	Vấn đáp	1	B5.204
6	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	1	3	BC02109_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
7	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	17	3	BC02115_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
8	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	8	3	BC02307_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
9	BC02603	Thiết kế đồ hoạ	12	3	BC02603_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
10	BC02701	Nhập môn Truyền thông đa Phương tiện	2	3	BC02701_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
11	BC03710	Nhiếp ảnh	8	3	BC03710_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
12	BC03810	Tạp chí	4	3	BC03810_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
13	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	2	3	BC03817_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
14	BC03825	Kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh	4	3	BC03825_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
15	CN01001_12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	3	CN01001_12_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
16	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	CN51001_2.25_LR.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
17	CT01001	Chính trị học đại cương	55	2	CT01001_3.25_LR.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	2	VP Khoa
18	CT01001	Chính trị học đại cương	44	2	CT01001_2.25_LR.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
19	CT02059	Khoa học chính sách công	17	3	CT02059_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
20	CT02063	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	7	3	CT02063_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
21	CT02069	Kỹ năng điều tra xã hội học chính trị	1	3	CT02069_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
22	CT03023	Phân tích chính sách	3	3	CT03023_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
23	CT03040	Vận động hành lang	6	3	CT03040_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
24	CT03041	Hoạch định chính sách	1	3	CT03041_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa



TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
25	CT03042	Thực thi chính sách	0	3	CT03042_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Báo cáo	1	VP Khoa
26	CT03088	Chính sách đối ngoại	3	3	CT03088_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
27	CT03114	Quản trị chất lượng khu vực công	33	3	CT03114_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
28	CT52007	Thế chế chính trị thế giới	1	2	CT52007_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
29	KT03715	Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam (II)	0	4	KT03715_2_25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
30	LS01003	Dân tộc học đại cương	4	2	LS01003_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
31	LS03301	Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay)	4	4	LS03301_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
32	NP01002	Quản lý hành chính nhà nước	5	2	NP01002_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
33	NP02001	Nhà nước và pháp luật	18	3	NP02001_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
34	PT02601	Sản xuất Audio	19	3	PT02601_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
35	PT02602	Sản xuất Video	13	3	PT02602_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
36	PT02805	Lịch sử Báo Chí	1	3	PT02805_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
37	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	3	PT03801_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
38	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	19	5	PT03806_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
39	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	1	3	PT03816_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
40	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	9	5	PT03848_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
41	PT03855	Báo chí di động	19	3	PT03855_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
42	PT04821	Thiết kế thông tin đồ họa	0	3	PT04821_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
43	PT52007	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	3	PT52007_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
44	QQ01002	Quan hệ công chúng	27	2	QQ01002_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
45	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	22	3	QQ02101_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Dự án	1	VP Khoa
46	QQ02110	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	1	2	QQ02110_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
47	QQ02453	Nhập môn Marketing	15	3	QQ02453_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
48	QQ02504	Truyền thông mạng xã hội	13	3	QQ02504_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Dự án	1	VP Khoa
49	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	15	2	QQ02508_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
50	QQ02604	Tác động quảng cáo trong xã hội	1	3	QQ02604_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
51	QQ02607	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	9	3	QQ02607_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Báo cáo	1	VP Khoa

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
52	QQ02613	Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn	4	3	QQ02613_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
53	QQ03466	Tổ chức sự kiện	5	3	QQ03466_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Dự án	1	VP Khoa
54	QQ03505	Thiết kế quảng cáo	1	3	QQ03505_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
55	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và quảng cáo	1	3	QQ56002_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
56	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	15	2	QT01001_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
57	QT02606	Cơ sở truyền thông quốc tế	3	3	QT02606_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
58	QT02607	Thông tin đối ngoại Việt Nam	3	3	QT02607_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
59	QT02616	Luật pháp quốc tế	1	3	QT02616_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
60	QT03561	Lý luận quan hệ quốc tế	3	3	QT03561_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
61	QT03611	Lý luận báo chí quốc tế	4	3	QT03611_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
62	QT52004	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	1	2	QT52004_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
63	TM01015	Mỹ Học	1	3	TM01015_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
64	TM02515	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	1	2	TM02515_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
65	TT02061	Tâm lý học truyền thông	22	3	TT02061_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
66	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	37	3	TT02366_2.25_LR.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
67	TT03080	Lãnh đạo, quản lý giáo dục, khoa học và môi trường	3	3	TT03080_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
68	TH02054	Tác phẩm Hồ Chí Minh	2	3	TH02054_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
69	XD01001	Xây dựng Đảng	35	2	XD01001_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
70	XH02067	Hành vi con người và môi trường xã hội	7	3	XH02067_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
71	XH02110	Dân số và phát triển	16	3	XH02110_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
72	XH02703	Phương pháp thu thập và xử lý thông tin	1	4	XH02703_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
73	XH02708	Quản trị công tác xã hội	1	3	XH02708_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
74	XH02723	Xây dựng, quản lý và phát triển dự án	1	3	XH02723_2.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Bài tập	1	VP Khoa
75	XH51001	Xã hội học đại cương	1	2	XH51001_3.25_TN.1	08h00-11h00	15/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
76	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	45	2	TH01001_2.25_LR.1	18h00-20h00	15/4	Viết	2	B5.203, B5.204
77	XB01101	Tiếng Việt thực hành	68	2	XB01101_2.25_LR.1, XB01101_3.25_TN.1	18h00-20h00	16/4	Viết	3	B5.203, B5.204, B5.202
78	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	5	2	TT01001_2.25_TN.1	08h00-11h00	17/4	Tiểu luận	1	VP Khoa

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
79	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	9	2	TT01001_3.25_TN.1	08h00-11h00	17/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
80	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	2	CN01001_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.103
81	ĐC51002	Toán kinh tế	6	3	ĐC51002_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.204
82	KT01011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	20	2	KT01011_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.104
83	TG01007	Tâm lý học xã hội	15	2	TG01007_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.103
84	TM01001	Triết học Mác-Lênin	26	4	TM01001_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	TN+TL	1	B5.203
85	TM01003	Đạo đức học	8	2	TM01003_3.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.204
86	TM01010	Logic hình thức	1	3	TM01010_2.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.104
87	TM01012	Triết học Mác - Lênin	28	3	TM01012_2.25_TN.1, TM01012_3.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	TN+TL	1	B5.202
88	XB03746	Quản lý hoạt động xuất bản trong môi trường số	1	3	XB03746_3.25_TN.1	18h00-20h00	17/4	Viết	1	B5.204
89	ĐC01017	Thế dục cơ bản	40	1	ĐC01017_2.25_LR.1	07h00-09h00	18/4	VĐ+TH	1	SVĐ
90	QA01017	Quân sự chung	31	2	QA01017_2.25_TN.1	07h00-09h00	18/4	VĐ+TH	1	SVĐ
91	ĐC01020	Võ Thuật vovinam	57	1	ĐC01020_2.25_LR.1	09h00-11h00	18/4	VĐ+TH	1	SVĐ
92	QA01018	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	27	2	QA01018_2.25_TN.1	13h00-17h30	18/4	VĐ+TH	1	SVĐ
93	ĐC01015	Lý luận và phương pháp GDTC	100	1	ĐC01015_2.25_LR.1, ĐC01015_3.25_LR.1	18h00-19h00	20/4	Viết	4	B6.101, B6.102, B6.103, B6.104
94	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	25	4	NN01015_2.25_TN.1	18h00-20h00	20/4	Viết	1	B6.201
95	NN01016	Tiếng Anh Học Phần 2	38	4	NN01016_2.25_TN.1, NN01016_3.25_TN.1	18h00-20h00	21/4	Viết	2	B5.203, B5.204
96	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	32	4	NN01020_2.25_TN.1, NN01020_3.25_TN.1	18h00-20h00	21/4	Viết	2	B6.101, B6.102
97	XD01001	Xây dựng Đảng	30	2	XD01001_3.25_TN.1	08h00-11h00	22/4	Tiểu luận	1	VP Khoa
98	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	19	4	NN01021_2.25_TN.1	18h00-20h00	22/4	Viết	1	B6.101
99	NN51011	Tiếng Anh học phần 1	1	4	NN51011_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	1	B5.203
100	NN51013	Tiếng Anh học phần 3	11	4	NN51013_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/4	Viết	1	B5.102
101	TG01006	Tâm lý học đại cương	15	2	TG01006_2.25_TN.1	18h00-20h00	22/4	Viết	1	B5.204
102	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	31	3	NN01023_2.25_TN.1	18h00-20h00	23/4	Viết	2	B6.201, B6.202
103	NN51014	Tiếng anh học phần 4	2	4	NN51014_2.25_TN.1	18h00-20h00	23/4	Viết	2	B6.201, B6.202
104	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	45	2	LS01002_2.25_LR.1	18h00-21h30	23/4	Vấn đáp	1	B6.101, B6.103
105	TG01004	Phương pháp NCKHXH và nhân văn	43	2	TG01004_3.25_LR.1	18h00-21h30	23/4	Viết	2	B5.203, B5.204

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
106	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	189	2	TT01002_2.25_LR.1, TT01002_2.25_LR.2, TT01002_3.25_LR.1	18h00-20h00	24/4	Viết	8	8 phòng nhà B6
107	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	25	4	NN01015_2.25_TN.1	07h00-11h30	25/4	Vấn đáp	1	B6.103
108	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	38	4	NN01016_2.25_TN.1, NN01016_3.25_TN.1	07h00-11h30	25/4	Vấn đáp	1	B6.101
109	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	32	4	NN01020_2.25_TN.1, NN01020_3.25_TN.1	07h00-11h30	25/4	Vấn đáp	1	B5.202
110	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	19	4	NN01021_2.25_TN.1	07h00-11h30	25/4	Vấn đáp	1	B5.202
111	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	31	3	NN01023_2.25_TN.1	13h00-17h30	25/4	Vấn đáp	1	B6.103
112	NN51011	Tiếng Anh học phần 1	1	4	NN51011_3.25_TN.1	13h00-17h30	25/4	Vấn đáp	1	B6.101
113	NN51013	Tiếng Anh học phần 3	11	4	NN51013_3.25_TN.1	13h00-17h30	22/5	Vấn đáp	1	B5.203
114	NN51014	Tiếng anh học phần 4	2	4	NN51014_2.25_TN.1	13h00-17h30	25/4	Vấn đáp	1	B6.101
115	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	39	3	LS01001_2.25_LR.2	07h00-11h00	10/5	Vấn đáp	1	B5.203
116	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	41	3	LS01001_2.25_LR.1	13h00-17h30	10/5	Vấn đáp	1	B5.203
117	LS03217	Phương pháp giảng dạy lịch sử ĐCS Việt Nam (thực hành)	1	3	LS03217_3.25_TN.1	18h00-18h30	05/5	Giảng	1	B5.203
118	QT02801	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	1	3	QT02801_2.25_TN.1	18h00-18h30	05/5	Vấn đáp	1	B5.204
119	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	47	2	CN01002_3.25_LR.1	18h00-20h00	07/5	Viết	2	B6.101, B6.102
120	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	14	3	KT01001_2.25_TN.1	18h00-20h00	07/5	Viết	1	B6.103
121	TG01006	Tâm lý học đại cương	11	2	TG01006_3.25_TN.1	18h00-20h00	07/5	Viết	1	B6.103
122	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	45	2	TH01001_3.25_LR.1	18h00-20h00	07/5	Viết	2	B5.203, B5.204
123	XB01004	Lý Luận Văn Học	3	2	XB01004_2.25_TN.1	18h00-20h00	07/5	Viết	1	B5.204
124	ĐC01018	Kỹ thuật bóng chuyền	20	1	ĐC01018_2.25_TN.1, ĐC01018_3.25_TN.1	07h00-09h00	09/5	VĐ+TH	1	SVD
125	ĐC01021	Aerobic	10	1	ĐC01021_2.25_TN.1	07h00-09h00	09/5	VĐ+TH	1	SVD
126	QA01016	Công tác quốc phòng và an ninh	33	2	QA01016_2.25_TN.1, QA01016_3.25_TN.1	07h00-09h00	09/5	TN+TL	2	B6.201, B6.202
127	ĐC01005	Tin học ứng dụng	37	3	ĐC01005_2.25_TN.1, ĐC01005_3.25_TN.1	09h00-11h00	09/5	VĐ+TH	2	B1.301, B1.302
128	ĐC01016	Kỹ thuật các môn điền kinh	28	1	ĐC01016_2.25_TN.1	09h00-11h00	09/5	VĐ+TH	1	SVD
129	QA01015	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	24	3	QA01015_2.25_TN.1, QA01015_3.25_TN.1	09h00-11h00	09/5	TN+TL	1	B6.201
130	NP01001	Pháp luật đại cương	40	3	NP01001_3.25_LR.1	13h00-17h30	09/5	Vấn đáp	2	B6.101, B6.103

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
131	NP03515	Q. lý xã hội về dân tộc và tôn giáo	3	3	NP03515_2.25_TN.1	13h00-17h30	09/5	Vấn đáp	1	B6.103
132	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	14	4	NN01017_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	2	B5.203
133	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	14	4	NN01017_3.25_TN.1	20h00-21h30	22/5	Vấn đáp	1	B5.203
132	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	31	4	NN01017_2.25_TN.1	18h00-20h00	09/6	Viết	2	B5.203
133	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	31	4	NN01017_2.25_TN.1	20h00-21h30	09/6	Vấn đáp	1	B5.203
134	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	1	3	BC02104_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
135	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	15	3	BC02110_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
136	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	7	3	BC02110_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
137	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	6	3	BC02115_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
138	BC02602	Mỹ thuật	3	3	BC02602_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
139	BC02608	Truyền thông văn hóa - nghệ thuật	15	3	BC02608_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
140	BC02609	Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	18	5	BC02609_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
141	BC02611	Quản trị và kinh doanh sản phẩm Truyền thông số	2	3	BC02611_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
142	BC02801	Lý thuyết truyền thông	11	3	BC02801_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
143	BC02801	Lý thuyết truyền thông	21	3	BC02801_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
144	BC03703	Video âm nhạc (MV)	6	3	BC03703_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
145	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	25	3	BC03817_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
146	BC52005	Tâm lý học báo chí - truyền thông	2	3	BC52005_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
147	CT02059	Khoa học chính sách công	15	3	CT02059_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
148	CT03017	Hệ thống chính trị và quy trình chính sách	3	3	CT03017_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
149	CT51001	Chính trị học đại cương	1	2	CT51001_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
150	KT52006	Kinh tế lượng	8	3	KT52006_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	1	B5.204
151	PT02306	Pháp luật đạo đức báo chí - truyền thông	4	3	PT02306_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
152	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	19	3	PT02306_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
153	PT03706	Phim ngắn	4	3	PT03706_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
154	PT03853	Dựng phim Truyền Hình	6	3	PT03853_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
155	PT03855	Báo chí di động	2	3	PT03855_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
156	PT03925	Dẫn chương trình	1	3	PT03925_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
157	QQ02601	Các phương tiện truyền thông	7	3	QQ02601_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
158	QQ02615	PR doanh nghiệp	14	3	QQ02615_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
159	QQ02617	Nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng	24	3	QQ02617_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
160	QT02001	Quan hệ quốc tế	5	3	QT02001_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
161	QT02001	Quan hệ quốc tế	16	3	QT02001_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
162	QT02552	Địa chính trị thế giới	29	2	QT02552_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
163	QT02560	Địa chính trị thế giới	23	3	QT02560_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
164	QT02611	Nghệ thuật phát ngôn đối ngoại	1	3	QT02611_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
165	TM02501	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	1	3	TM02501_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
166	TT02061	Tâm lý học truyền thông	6	3	TT02061_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
167	TT03079	Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng, văn hóa	1	3	TT03079_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
168	TT03386	Các thể loại phát biểu miệng	1	3	TT03386_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
169	XH02706	Xã hội học nông thôn, đô thị	3	3	XH02706_2.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
170	XH02710	Phát triển cộng đồng	1	3	XH02710_3.25_TN.1	08h00-11h00	20/5	Bài tập	1	VP Khoa
171	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	9	2	CN01001_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	1	B5.204
172	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	19	2	KT01011_3.25_TN.1	08h00-11h00	22/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
173	QQ03459	Nhập môn quan hệ công chúng	6	3	QQ03459_2.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	1	B5.204
174	TG01009	Tâm lý học sư phạm	1	3	TG01009_3.25_TN.1	18h00-20h00	22/5	Viết	1	B5.204
175	ĐC01017	Thế dục cơ bản	27	1	ĐC01017_3.25_TN.1	07h00-09h00	23/5	VĐ+TH	1	SVĐ
176	TM01001	Triết học Mác Lênin	33	4	TM01001_3.25_TN.1	18h00-20h00	25/5	TN+TL	2	B5.203, B5.204
177	NP01001	Pháp luật đại cương	62	3	NP01001_2.25_LR.1	18h00-21h30	26/5	Vấn đáp	2	B6.101, B6.103
178	LS03213	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH (1975-1986)	1	3	LS03213_3.25_TN.1	18h30-19h00	26/5	Vấn đáp	1	B5.203
179	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	6	3	BC02610_2.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Bài tập	1	VP Khoa
180	BC02803	Tâm lý học báo chí – truyền thông	13	3	BC02803_2.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Bài tập	1	VP Khoa
181	CN02059	Lý luận về cách mạng XHCN	5	4	CN02059_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
182	CT03077	Kỹ năng giao tiếp chính trị	16	3	CT03077_2.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
183	CT03108	Quản lý chiến lược trong khu vực công	1	3	CT03108_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
184	NP02001	Nhà nước và pháp luật	2	3	NP02001_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
185	QQ02614	Các chuyên đề quan hệ công chúng	22	3	QQ02614_2.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Bài tập	1	VP Khoa



TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
186	QT02614	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	1	3	QT02614_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
187	QT56005	Lý luận báo chí quốc tế và báo chí toàn cầu	1	3	QT56005_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
188	TM01015	Mỹ học	1	3	TM01015_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Bài tập	1	VP Khoa
189	TT03384	Tuyên truyền - cổ động	1	3	TT03384_3.25_TN.1	08h00-11h00	27/5	Tiểu luận	1	VP Khoa
190	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	15	4	NN01015_3.25_TN.1	18h00-20h00	27/5	Viết	1	B5.203
191	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	11	3	NN01024_2.25_TN.1	18h00-20h00	27/5	Viết	1	B5.204
192	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	15	4	NN01015_3.25_TN.1	20h10-21h30	27/5	Vấn đáp	1	B5.203
193	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	11	3	NN01024_2.25_TN.1	20h10-21h30	27/5	Vấn đáp	1	B5.204
194	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	8	5	PT03805_2.25_TN.1	08h00-11h00	02/6	Bài tập	1	VP Khoa
195	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	38	4	NN01019_2.25_TN.1, NN01019_3.25_TN.1	18h00-20h00	03/6	Viết	2	B5.203, B5.204
196	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	14	4	NN01021_3.25_TN.1	18h00-20h00	04/6	Viết	1	B5.203
197	QT02703	Tiếng Anh chuyên ngành (1)	1	3	QT02703_3.25_TN.1	18h00-20h00	04/6	Viết	1	B5.203
198	XH02701	Nhập môn Công tác xã hội	4	4	XH02701_2.25_TN.1	18h00-20h00	04/6	Viết	1	B5.203
199	QT02703	Tiếng Anh chuyên ngành (1)	1	3	QT02703_3.25_TN.1	20h10-21h00	04/6	Vấn đáp	1	B5.203
200	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	35	3	LS01001_3.25_TN.1	07h00-11h00	06/6	Vấn đáp	1	B5.203
201	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	38	4	NN01019_2.25_TN.1, NN01019_3.25_TN.1	07h00-11h30	06/6	Vấn đáp	1	B5.202
202	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	14	4	NN01021_3.25_TN.1	07h00-11h30	06/6	Vấn đáp	1	B5.202
203	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	31	2	LS01002_3.25_TN.1	13h00-17h30	06/6	Vấn đáp	1	B5.203
204	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	26	2	QQ02608_2.25_TN.1	08h00-11h00	11/6	Báo cáo	1	VP Khoa
205	TM03012	Lịch sử triết học Mác-Lênin	2	3	TM03012_2.25_TN.1	08h00-11h00	11/6	Tiểu luận	1	VP Khoa
206	TM03028	Triết học giá trị	1	3	TM03028_3.25_TN.1	08h00-11h00	16/6	Tiểu luận	1	VP Khoa
207	QQ03477	Hành vi khách hàng	10	3	QQ03477_2.25_TN.1	08h00-11h00	11/7	Tiểu luận	1	VP Khoa
208	ĐC01010	Toán kinh tế	2	3	ĐC01010_3.25_TN.1	18h00-20h00	05/8	Viết	1	B5.203
209	QT02621	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	1	3	QT02621_3.25_TN.1	18h00-20h00	05/8	Viết	1	B5.203
210	TM01010	Logic học	1	3	TM01010_3.25_TN.1	18h00-20h00	05/8	Viết	1	B5.203
211	XH01001	Xã hội học đại cương	6	2	XH01001_3.25_TN.1	18h00-20h00	05/8	Viết	1	B5.203
212	QT02621	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	1	3	QT02621_3.25_TN.1	20h10-21h00	05/8	Vấn đáp	1	B5.203
213	BC03643	Thực tập nghiệp vụ	10	4	BC03643_2.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
214	BC03644	Thực tập tốt nghiệp	4	4	BC03644_3.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
215	NP03640	Kiến tập nghề nghiệp	1	3	NP03640_2.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa

TT	Mã HP	Tên Học phần	Số lượng	Tín chỉ	Lớp tín chỉ	Thời gian thi	Ngày thi	Hình thức thi	Số phòng	Phòng thi
216	PT03857_02	Thực tập nghiệp vụ ( năm 3 )	1	4	PT03857_02_2.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
217	PT03878	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	5	4	PT03878_3.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
218	QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp	23	3	QQ03480_2.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
219	QQ03517	Thực tập cuối khoá	1	4	QQ03517_3.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Báo cáo	1	VP Khoa
220	TM01009	Môi trường và phát triển	1	3	TM01009_3.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Bài tập	1	VP Khoa
221	TT02366	Nghệ thuật pháp biểu miệng	1	3	TT02366_3.25_TN.1	08h00-11h00	06/8	Bài tập	1	VP Khoa

**Lưu ý:** - Những lớp có cùng khoảng thời gian, cùng số phòng mặc nhiên là lớp thi ghép;  
- Sinh viên bị trùng lịch thi thì làm đơn xin hoãn thi và xin thi vào đợt khác

**T/L GIÁM ĐỐC**  
**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**



**Trần Văn Thư**



